

Bản án số: **06** /2017/HC-PT

Ngày: 28-11- 2017

Về việc: Yêu cầu hủy các quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và  
yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phán:* Ông **Trương Công Thi**

*Các Thẩm phán:* Ông **Bùi Huy Tiến**

Ông **Võ Ngọc Thông**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Thành An** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 146/2017/TLPT-HC ngày 07/7/2017 về việc "*Yêu cầu hủy các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 10/5/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146B/2017/QĐ-PT ngày 30/10/2017, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông **Đỗ Phú S.**

Trú tại: Số 18 đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**\* Người bị kiện:**

1. Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Ngọc H** – Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Kpã T** – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền số 93/QĐ-UBND ngày 07/02/2017). Ông **Kpã T** có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân Q – Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố P.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Kim D – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố P (Theo văn bản ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 05/01/2017). Ông Nguyễn Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị A và ông Trần E; Cùng trú tại: Số 233/15 (số mới 540/16/17) đường V, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà D và ông E: Bà Trần Thị G, sinh năm 1970; trú tại: 29 đường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/3/2017).

Do có kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Phú S và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có tại hồ sơ vụ án, thì nội dung vụ án như sau:*

Năm 1986, ông Đỗ Phú S nhận chuyển nhượng của ông Tăng Thành N một lô đất có diện tích 1.080m<sup>2</sup>, sau đó ông tiếp tục nhận chuyển nhượng của ông I thêm một lô đất diện tích 729m<sup>2</sup>. Tổng cộng diện tích đất ông nhận chuyển nhượng là 1809m<sup>2</sup>. Giấy tờ sang nhượng đã được Ban nhân dân thôn P và UBND xã C (cũ) xác nhận.

Năm 1994, vợ chồng bà Nguyễn Thị A, ông Trần E nhận chuyển nhượng của ông Nay B, bà Nguyễn Thị U lô đất có diện tích 462m<sup>2</sup>. Khi chuyển nhượng hai bên có lập giấy tờ và được Ủy ban nhân dân phường R xác nhận việc giao dịch. Do phần đất nhận chuyển nhượng có 168m<sup>2</sup> đất nằm dưới hành lang an toàn lưới điện, nên Ủy ban nhân dân phường R chỉ xác nhận cho hai bên giao dịch chuyển nhượng 294m<sup>2</sup> đất, có tứ cận: Phía Tây giáp đường L dài 28,5m; phía Đông giáp đất ông Đỗ Phú S dài 28,5m; phía Bắc giáp nhà và đất ông F1 (hiện nay là đất và nhà ông F2); phía Nam giáp đất ông F3 (nay là đất ông F4).

Năm 1995, xảy ra tranh chấp giữa ông S và bà A liên quan đến các lô đất nêu trên. Từ năm 1995 đến năm 2000, UBND xã R (nay là phường R) đã nhiều lần mời 02 hộ đến giải quyết, qua nhiều lần hòa giải nhưng không thành nên đề nghị lên cấp trên xem xét, giải quyết.

Ngày 7/11/2001, UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số T598WWW cho ông Đỗ Phú S. Bà Nguyễn Thị A có đơn khiếu nại cho rằng diện tích đất trong GCNQSDĐ cho ông S đã chồng lấn lên đất của gia đình bà.

Năm 2004, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 11/QĐ-UB ngày 02/02/2004 với nội dung: Không chấp nhận nội dung khiếu nại nêu trên của bà Nguyễn Thị A; Không công nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nay B, bà Nguyễn Thị U sang ông Trần E, bà Nguyễn Thị A; Hủy bỏ GCNQSDĐ số T598WWW cấp cho ông Đỗ Phú S ngày 07/11/2001 trên thửa đất số 106, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.934m<sup>2</sup> đất vườn (do quá trình kê khai làm GCNQSDĐ số T598WWW ông S kê khai nguồn gốc đất do ông khai phá là không đúng mà thực tế nguồn gốc đất là do ông nhận chuyển nhượng); yêu cầu ông S làm thủ tục đăng ký để

được cấp lại GCNQSDĐ cho đúng với nguồn gốc và quy định pháp luật.

Không đồng ý với nội dung của Quyết định trên, ngày 12/02/2004, bà Nguyễn Thị A có đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh và được Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Mỹ giải quyết bằng Quyết định số 608/QĐ-CT ngày 7/5/2004 với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại, tranh chấp đất của bà Nguyễn Thị A với ông Đỗ Phú S; Công nhận Quyết định số 11/QĐ-UB ngày 2/2/2004 của UBND thành phố P.

Ngày 31/8/2004, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 190/QĐ-UB cấp lại GCNQSDĐ số AA256ZZZ cho ông Đỗ Phú S, diện tích 1.934m<sup>2</sup> đất nông nghiệp.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết của UBND thành phố P và của UBND tỉnh, bà Nguyễn Thị A khiếu nại lên Trung ương. Theo yêu cầu của Thanh tra Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai tiếp tục giải quyết, ban hành Quyết định số 1444/QĐ-CT ngày 22/9/2006 bãi bỏ Quyết định số 608/QĐ-CT ngày 7/5/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai và Quyết định số 11/QĐ-UB ngày 02/02/2004 của Chủ tịch UBND thành phố P; giao UBND thành phố P hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đỗ Phú S do đất đang có tranh chấp nhưng lại cấp GCNQSDĐ là vi phạm pháp luật về đất đai.

Thực hiện Quyết định số 1444/QĐ-CT ngày 22/9/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, ngày 3/10/2006, UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 568/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 190/QĐ-UB ngày 31/8/2004 và thu hồi GCNQSDĐ số AA256ZZZ của ông Đỗ Phú S để điều chỉnh diện tích.

Ông S, bà A vẫn không đồng ý các Quyết định này, tiếp tục có đơn khiếu nại, UBND tỉnh giao Thanh tra tỉnh tiếp tục xác minh lại. Căn cứ Kết luận số 194/TTr- XKT ngày 15/12/2006 của Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A, nội dung: Công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị A; bà A được kê khai đăng ký QSDĐ đối với diện tích 91m<sup>2</sup>, loại đất nông nghiệp có giới cận: Đông giáp đất ông Đỗ Phú S dài 28m; Tây giáp mốc lộ giới có chiều dài 28m, Nam giáp vườn ông F4 dài 2,75m, Bắc giáp đất ông F1 (cũ) dài 3,75m; giao cho UBND thành phố P cắm mốc giới giữa hai lô đất theo kết luận của Đoàn Thanh tra liên ngành đo đạc ngày 27/11/2006 và điều chỉnh lại GCNQSDĐ của ông Đỗ Phú S.

Không đồng ý với Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, ông Đỗ Phú S liên tục đến các cấp chính quyền của thành phố và tỉnh khiếu nại về nội dung quyết định này, nên UBND thành phố chưa thể cắm mốc ranh giới giữa hai lô đất và chưa điều chỉnh lại GCNQSDĐ của ông S theo yêu cầu tại Quyết định 132/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Đồng thời ông S gửi đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố P yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 568/QĐ-UBND ngày 03/10/2006 của UBND thành phố P. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2008/HC-ST ngày 28/01/2008, Tòa án nhân dân thành phố P đã tuyên xử: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đỗ Phú S; tuyên hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 568/QĐ-UBND ngày 3/10/2006 của UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai” do việc ban hành Quyết định hành chính số 568/QĐ-UBND ngày 3/10/2006 có thiếu sót về hình thức là không viện dẫn các Điều, Khoản, Điều cụ thể của các văn bản pháp luật, và nội dung tại Điều 1 và Điều 2 có chỗ mâu thuẫn với nhau.

Chấp hành Bản án số 01/2008/HC-ST ngày 28/01/2008 của Tòa án nhân dân thành phố P, UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 11/04/2008 để hủy bỏ Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 3/10/2006. Đồng thời khắc phục các sai sót chỉ ra tại bản án nêu trên, UBND thành phố P ban hành Quyết định số

300/QĐ- UBND ngày 11/4/2008 có nội dung hủy bỏ Quyết định số 190/QĐ-UB ngày 31/8/2004 của UBND thành phố P về việc cấp GCNQSDĐ cho ông S và thu hồi GCNQSDĐ số AA256ZZZ mang tên Đỗ Phú S để cấp lại GCNQSDĐ cho ông S theo Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai.

*Tại các đơn khởi kiện ra Tòa án và tại phiên tòa ông S yêu cầu* hủy các Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 22/9/2006; số 132/QĐ-UBND ngày 22/1/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai; số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai, và yêu cầu ông Chủ tịch UBND tỉnh phải bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 4 tỷ đồng. Với các lý do:

- Bà A cho rằng UBND thành phố P cấp GCNQSDĐ cho ông với diện tích đất xâm phạm vào đất của bà A là không đúng. Đó là đất ông nhận chuyển nhượng và khai phá. Còn đất của bà A khai nhận chuyển nhượng của bà U đó là đất vỉa hè, gia đình bà A đã được cán bộ xã R giúp làm giả mạo giấy tờ chuyển nhượng đất giữa gia đình bà và gia đình bà U để từ đó tranh chấp với ông.

- Ngày 31/8/2004, UBND thành phố P đã cấp GCNQSDĐ số AA 256ZZZ cho ông tại Quyết định số 190/QĐ-UB, với diện tích 1.934m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Bà Nguyễn Thị A khiếu nại cho rằng UBND thành phố P lấy đất của bà cấp GCNQSDĐ cho ông thì khiếu nại đó của bà A đã bị UBND thành phố P, và Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn M ra Quyết định không chấp nhận (Quyết định số 11/QĐ-UB ngày 02/02/2004 của Chủ tịch UBND thành phố P, và Quyết định số 608/QĐ-CT ngày 7/5/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai). Nhưng sau đó Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Thế K thiện vị, lợi dụng chức quyền đưa ra giải quyết lại khiếu nại của bà A theo hướng có lợi cho bà A, là không đúng.

- Năm 2006, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 03/10/2006 bãi bỏ Quyết định số 190/QĐ-UB ngày 31/8/2004 về cấp GCNQSDĐ và thu hồi GCNQSDĐ số AA256ZZZ của ông, thì ông khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P hủy Quyết định số 568/QĐ-UB nêu trên, và Tòa án nhân dân thành phố P đã ban hành Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2008/HC- ST ngày 28/01/2008 trong đó tuyên hủy toàn bộ Quyết định hành chính số 568/QĐ- UBND ngày 3/10/2006 của UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bản án 01/2008/HC-ST này đã có hiệu lực pháp luật nhưng không được thi hành, mà UBND thành phố Peliku lại ban hành Quyết định 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 để một lần nữa hủy Quyết định số 190/QĐ-UB ngày 31/8/2004 về cấp GCNQSDĐ và thu hồi GCNQSDĐ số AA256ZZZ của ông, như vậy là không hợp pháp.

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, phía người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố P cho rằng:* Việc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 là có căn cứ vì nhằm thực hiện Quyết định số 1444/QĐ-CT ngày 22/9/2006 và Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố P không chấp nhận việc ông Đỗ Phú S yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 300/QĐ- UBND ngày 11/4/2008.

*Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, phía người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cho rằng:* Việc UBND tỉnh ban hành các Quyết định số 1444/QĐ-UB ngày 22/9/2006 và Quyết định số 132/QĐ-UB ngày 22/1/2007 là hoàn toàn có cơ sở. Trong đó: Quyết định số 1444/QĐ-UB ngày 22/9/2006 có nội dung hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại trước đây của Chủ tịch UBND tỉnh và của UBND thành phố P là do phát hiện các Quyết định này có nội dung không đúng; và hủy bỏ

GCNQSDĐ của ông Đỗ Phú S là do đất đang có tranh chấp mà UBND thành phố P lại cấp GCNQSDĐ cho ông S là không đúng. Quyết định số 132/QĐ-UB có nội dung Công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị A. Bà Nguyễn Thị A được kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được xác định như sau: Tổng diện tích: 91m<sup>2</sup>; Loại đất: Nông nghiệp. Giới cận: Đông giáp đất ông Đỗ Phú S dài 28m; Tây giáp mốc lộ giới có chiều dài 28m; Nam giáp vườn ông F4 dài 2,75m; Bắc giáp vườn ông F1 dài 11m là đúng vì đó dựa trên kết quả Báo cáo kết luận thanh tra của Đoàn Thanh tra tỉnh. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông S.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày rằng:* Việc cha mẹ tôi (ông Trần E, bà Nguyễn Thị A) nhận chuyển nhượng đất của ông Nay B và bà Nguyễn Thị U lô đất có diện tích 462m<sup>2</sup> vào năm 1994 là có thật. Hai bên có lập giấy tờ và được Ủy ban nhân dân phường R xác nhận việc giao dịch vào năm 1994. Do phần đất nhận chuyển nhượng có 168m<sup>2</sup> đất nằm dưới hành lang an toàn lưới điện, 294m<sup>2</sup> còn lại không nằm dưới hành lang này nên khi xác nhận, Ủy ban nhân dân phường R chỉ xác nhận cho cha mẹ tôi và ông B, bà U được phép chuyển nhượng 294m<sup>2</sup> đất, có tứ cận: Phía Tây giáp đường L dài 28,5m; phía Đông giáp đất ông Đỗ Phú S dài 28,5m; phía Bắc giáp nhà và đất ông F1 (hiện nay là đất và nhà ông F2); phía Nam giáp đất ông F3 (nay là đất ông F4).

Trước đây UBND thành phố P cấp GCNQSDĐ cho ông S 1934m<sup>2</sup> là xâm phạm vào đất của gia đình cha mẹ tôi. Cha mẹ tôi không đồng ý đã khiếu nại nhưng UBND thành phố P, và Chủ tịch UBND tỉnh đã không đồng ý với khiếu nại của cha mẹ tôi. Cha mẹ tôi khiếu nại ra Trung ương, Thanh tra Chính phủ có ý kiến, và Chủ tịch UBND tỉnh xem xét lại, ban hành Quyết định số 1444/QĐ-UB ngày 22/9/2006 hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại trước đây và thu hồi GCNQSDĐ của ông S. Tôi đồng ý với toàn bộ Quyết định số 1444/QĐ-UB ngày 22/9/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Phú S về việc hủy Quyết định này. Còn đối với Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/1/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, tôi đồng ý với nội dung cho mẹ tôi được kê khai, đăng ký quyền sử dụng lô đất, nhưng không đồng ý diện tích được kê khai sử dụng 91m<sup>2</sup>, vì trước đây diện tích đất cha mẹ tôi nhận chuyển nhượng là 294m<sup>2</sup>, lớn hơn diện tích mà tại Quyết định 132/QĐ-UBND đã công nhận. Tôi không gửi đơn kiện ra Tòa, song từ năm 2007 đến nay tôi vẫn khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cho cha mẹ tôi được sử dụng diện tích đất như đã nhận chuyển nhượng từ ông B, bà U, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

***Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:***

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Phú S về việc hủy các Quyết định: số 1444/QĐ-CT ngày 22/9/2006; số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh, và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của UBND thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24/5/2017, người khởi kiện - ông Đỗ Phú S có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 10/5/2017 của TAND tỉnh Gia Lai.

Ngày 09/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định số 11/2017/KN-HC-VC2 kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án hành chính sơ thẩm 03/2017/HC-ST ngày 10/5/2017 của TAND tỉnh Gia Lai đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Phú S hủy các Quyết định số 1444/QĐ-CT ngày 22/9/2006, Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của UBND thành phố P.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Đỗ Phú S và bà Trần Thị G có gửi bổ sung một số bản sao văn bản, tài liệu (phô tô), nhưng các tài liệu này đều đã có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện ông Đỗ Phú S giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định hành chính số 1444/QĐCT ngày 22/9/2006, Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bà Trần Thị G (đại diện theo uỷ quyền của bà A, ông E) trình bày như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Quyết định hành chính số 1444/QĐCT ngày 22/9/2006, huỷ quyết định 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai lý do xác định đất của bà A, ông E chỉ có 91 m<sup>2</sup> là không đúng đối với Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai không liên quan đến bà nên bà không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, các căn cứ pháp luật mà cấp sơ thẩm đã áp dụng, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung Bản kháng nghị số 11/2017/KN-HC-VC2 ngày 09/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, sửa Bản án sơ thẩm tuyên hủy quyết định hành chính số 1444/QĐCT ngày 22/9/2006, quyết định hành chính số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, Bản án sơ thẩm, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến những người tham gia tố tụng, phát biểu của kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Các quyết định hành chính số 1444/QĐCT ngày 22/9/2006, Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai là các quyết định được Chủ tịch UBND Gia Lai và UBND thành phố P ban hành theo thẩm quyền luật định. Nội dung các quyết định này nhằm để giải quyết việc tranh chấp đất đai của ông Đỗ Phú S với bà Nguyễn Thị A và ông Trần E do vậy các quyết định này là đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Sau khi các quyết định hành chính nêu trên được ban hành thì ông Đỗ Phú S cũng như bà Nguyễn Thị A đã liên tục có đơn khiếu nại, việc khiếu nại kéo dài qua nhiều cấp giải quyết nên thời hiệu khởi kiện vẫn chưa quá thời hạn được quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thẩm quyền căn cứ Điều 30, Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai là cơ quan có thẩm quyền thụ lý vụ kiện, việc thụ lý giải quyết vụ kiện của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai là đúng quy định của pháp luật.

- Việc xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án ông Đỗ Phú S là người khởi kiện, Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai và Chủ tịch UBND thành phố P là người bị kiện, bà Nguyễn Thị A và ông Trần E (đã ủy quyền cho bà Trần Thị G) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định tại Điều 53, 55, 56, 57 và 58 Luật Tố tụng hành chính 2015.

[2] Xem xét về thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Đỗ Phú S với bà Nguyễn Thị A và ông Trần E, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Trên cơ sở xem xét các đơn khiếu nại, tranh chấp của ông S, bà A và quá trình giải quyết vụ việc của UBND thành phố P, UBND tỉnh Gia Lai có trong hồ sơ vụ án thì đây là vụ tranh chấp “ai là người có quyền sử dụng đất” giữa 02 cá nhân, việc phát sinh tranh chấp xảy ra từ năm 1995. Bước đầu UBND xã R (nay là phường R) đã nhiều lần giải quyết, hoà giải nhưng không có kết quả. Đến ngày 07/11/2001 ông Đỗ Phú S được UBND thành phố P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 589768 nhưng hai bên vẫn tiếp tục tranh chấp đất đai và khiếu nại kéo dài cho đến nay.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật đất đai 1993 quy định, Thông tư liên tịch số 02/2002/TTLT.TANDTC.VKSNDTC.TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng cục địa chính hướng dẫn Tòa án có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về việc ai là người có quyền sử dụng đất. Sau khi Luật đất đai năm 2003 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 50, Điều 136 và Điều 160 Nghị định 181/2004/NĐCP ngày 29/10/2004 của Chính phủ đã xác định rõ quan hệ tranh chấp đất đai giữa ông Đỗ Phú S với bà Nguyễn Thị A và ông Trần E là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bởi lẽ ông S đã có đăng ký kê khai đất đai có tên trong sổ địa chính và đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2001. Sau khi UBND cấp xã phường hoà giải không được thì vụ việc tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết theo tố tụng dân sự tại toà án.

Việc UBND thành phố P và UBND tỉnh Gia Lai giải quyết vụ việc tranh chấp đất đai của ông Đỗ Phú S với bà Nguyễn Thị A, ông Trần E là không đúng thẩm quyền do pháp luật quy định. Do vậy, các quyết định hành chính số 1444/QĐCT ngày 22/9/2006, Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã ban hành là không đúng thẩm quyền luật định.

[3] Xét kháng cáo của ông Đỗ Phú S và Kháng nghị số 11/2017/KN-HC VC2 ngày 09/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thấy rằng.

[3.1] Nguồn gốc thửa đất có diện tích 1.809m<sup>2</sup> là do ông nhận chuyển nhượng vào năm 1986 của ông Tăng Thanh N diện tích 1.080m<sup>2</sup> (chiều dài 40m, chiều rộng 27m) được Ủy ban nhân dân xã C xác nhận vào ngày 10/6/1987 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo). Sau đó ông S nhận quyền nhượng của ông I diện tích 729m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân xã C (cũ) xác nhận, vào ngày 30/12/1986. Tổng cộng đất của ông S có diện tích 1809 m<sup>2</sup>. Sau đó, theo ông S khai có khai hoang thêm một số diện tích đất và đã đăng ký quyền sử dụng đất vào ngày 25/11/1996. Đến ngày 07/01/2001 thì được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 598WWW diện tích 1934 m<sup>2</sup>.

Nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị A và ông Trần E là do ông bà nhận chuyển nhượng 294 m<sup>2</sup> của ông Nay B và bà Nguyễn Thị U, giấy chứng nhận được Ban nhân dân thôn P và UBND xã R xác nhận vào ngày 16/9/1994.

Quá trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại giữa 02 cá nhân UBND thành phố P và UBND tỉnh Gia Lai đã không kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp các loại giấy tờ liên quan đất đai của 02 cá nhân, không xem xét tố cáo của ông Đỗ Phú S cho rằng việc xác nhận của UBND xã R có sự giả mạo, không thẩm định đồng bộ cả hai thửa đất, không đánh giá, sự biến động diện tích của từng thửa đất. UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận trên đất đang còn tranh chấp. Các quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại, tranh chấp mỗi lúc lợi thế cho mỗi bên, chông chéo và trái ngược nhau làm cho việc tranh chấp kéo dài, các đương sự khiếu nại nhiều cấp, nhiều ngành nhưng vẫn không có kết quả dứt điểm.

[3.2] Xem xét các quyết định hành chính bị kháng cáo và kháng nghị nhận thấy: Các quyết định Quyết định hành chính 1444/QĐCT ngày 22/9/2006, Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã không căn cứ vào Luật đất đai 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 1993 để xem xét giải quyết khiếu nại là áp dụng không đúng luật nội dung vào thời điểm giải quyết vụ việc. Nội dung quyết định 1444/QĐCT ngày 22/9/2006 về việc huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đỗ Phú S lý do đất đang tranh chấp nhưng tại quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có nội dung công nhận quyền sử dụng đất (91m<sup>2</sup>) cho bà A cũng đang có tranh chấp là mâu thuẫn, giải quyết không triệt để quan hệ tranh chấp giữa hai bên tranh chấp. Đối



với Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai thì cũng trái thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai (khi đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) không căn cứ vào Luật đất đai 1993 và đã căn cứ vào quyết định số 1444/QĐ-CT ngày 22/9/2006 nên cũng cần huỷ bỏ.

Trên cơ sở phân tích tính hợp hiến, hợp pháp, thẩm quyền giải quyết đề ban hành đối với các quyết định hành chính nêu trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Phú S và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa Bản án sơ thẩm, huỷ các Quyết định hành chính số 1444/QĐCT ngày 22/9/2006, Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Đỗ Phú S nên ông S không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hành chính phúc thẩm. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Đỗ Phú S. Đồng thời chấp nhận Kháng nghị số 11/2017/KNHC-VC2 ngày 09/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng khoản 3 Điều 38 Luật đất đai năm 1993, Thông tư liên tịch số 01/2002/TANDTC-VKSNDTC-TCĐC ngày 03/01/2002 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tổng cục địa chính; Điều 50; Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 160 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Luật đất đai 2013. Luật khiếu nại – tố cáo năm 1998 sửa đổi bổ sung Luật khiếu nại – tố cáo năm 2004, và Luật sửa đổi bổ sung Luật khiếu nại – tố cáo năm 2005.

Huỷ các quyết định hành chính số: 1444/QĐ-CT ngày 22/9/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai “về việc bãi bỏ Quyết định số 608/QĐ-CT ngày 07/5/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A; Quyết định số 11/QĐ-UB ngày 02/2/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa bà Nguyễn Thị A với ông Đỗ Phú S tại thôn P, phường R, thành phố P, tỉnh Gia Lai”; Quyết định số 132/QĐ-UBND ngày 22/01/2007 “về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A cư trú tại 233/15 đường V, thành phố P, tỉnh Gia Lai” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 11/4/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai “về việc huỷ bỏ Quyết định số 19/QĐ-UB

ngày 31/8/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đỗ Phú S và thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 256ZZZ mang tên Đỗ Phú S tại thôn P, phường R, thành phố P, tỉnh Gia Lai”.

[2]. Về án phí: Áp dụng Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho ông Đỗ Phú S 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm tại biên lai thu số 0006XXX ngày 08/02/2012 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại biên lai số 0001YYY ngày 29/5/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND CC Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THA dân sự tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Công Thi**